

Câu 1: 3 điểm

- Vẽ sơ đồ chuyển động biểu kiến hàng năm của Mặt trời. Tại sao mặt trời chỉ lên thiên đỉnh ở trong khu vực nội chí tuyến?
- Hãy tính toán và hoàn thành dữ liệu cho bảng sau:

Chuyến bay	Nơi đi		Nơi đến		Hành trình
	Địa điểm	Ngày, giờ	Địa điểm	Ngày, giờ	
CX261	Hồng Kông	23:45' 28/02/2022	New York	?	15giờ 45phút
CX262	New York	?	Hồng Kông	7:30' 01/03/2022	14giờ 55 phút

(Biết rằng: Kinh độ của các địa điểm là: Hồng Kông: $114^{\circ}10'Đ$; New York: $74^{\circ}T$).

- Trình bày nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi khí áp trên trái đất. Tại sao khí áp thường phân bố không liên tục trên trái đất?

Câu 2: 3 điểm

- Suy giảm đa dạng sinh học đang là vấn đề được sự quan tâm của toàn thế giới. Hãy cho biết nguyên nhân, hậu quả của vấn đề này.
- Tại sao trung tâm công nghiệp Nhật Bản phân bố chủ yếu ven Thái Bình Dương?
- So sánh và đánh giá ảnh hưởng của đặc điểm tự nhiên của miền đông và miền tây Trung Quốc đến phát triển ngành nông nghiệp.

Câu 3: 4 điểm

- Phân tích ý nghĩa vị trí địa lý đến phát triển kinh tế xã hội của nước ta.
- Trình bày đặc điểm gió mùa mùa hạ. Tại sao vùng Bắc Trung Bộ có gió phơn Tây Nam hoạt động vào đầu hạ và mưa tập trung vào thu đông?
- Ảnh hưởng của địa hình miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ ảnh hưởng đến đặc điểm sông ngòi của vùng này như thế nào?

Câu 4: 3 điểm

Cho bảng số liệu về: Tốc độ tăng GDP của Nhật Bản từ 1950-2021 (Đơn vị:%)

Giai đoạn	1955-1965	1973-1986	2001	2018	2021
Tăng GDP	10	2,6	0,4	-2,4	1,7

Nguồn SGK địa lí 11 và tổng cục thống kê

1. Nhận xét và giải thích về tốc độ tăng trưởng GDP của Nhật Bản từ 1950 -2021.
2. Cho bảng số liệu về diện tích và dân số của một số nước trên thế giới năm 2021.

Quốc gia	Việt Nam	Trung Quốc	Ấn độ	Hoa kỳ
Dân số (người)	97.338.579	1.439.323.776	1.383.004.385	333.864.279
Diện tích (km2)	331.212	9.596.961	3.287.263	9.826675

Tổng cục thống kê tháng 12/2021

Tính mật độ dân số của một số nước trên thế giới năm 2021. So sánh mật độ dân số của một số nước trên.

Câu 5: 4 điểm

Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy:

1. Nêu khái niệm, nguyên nhân, hậu quả của vấn đề suy giảm sự đa dạng sinh học trên thế giới.
2. Phân tích chế độ nhiệt và chế độ mưa của trạm khí hậu Đà Nẵng.
3. So sánh và giải thích chế độ lũ của sông Hồng và sông Mê Công.

Câu 6: 3 điểm

Cho bảng số liệu về quy mô và tỉ lệ gia tăng dân số Việt nam giai đoạn 1990 - 2021

Năm	1990	1997	2000	2004	2009	2014	2021
Số dân (triệu người)	67,99	77,13	79,91	83,06	87,09	91,71	97,34
Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên (%)	1.92	1,57	1,35	1,2	1,06	1,11	1,15

Nguồn Niên giám thống kê Việt nam

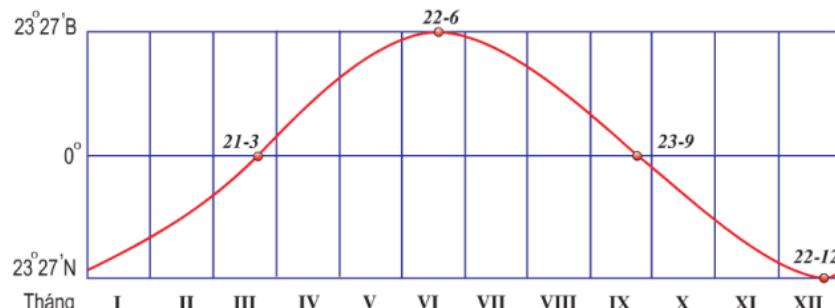
1. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi quy mô và tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số nước ta giai đoạn 1990 - 2021.
2. Rút ra nhận xét và giải thích tình hình phát triển của dân số nước ta giai đoạn trên.

Lưu ý: Thí sinh được sử dụng Atlas khi làm bài

Họ và tên thí sinh.....Số báo danh.....

.....**HẾT**.....

ĐÁP ÁN

Câu	Nội dung	Thang điểm																						
Câu 1	1. Vẽ sơ đồ chuyển động biểu kiến hàng năm của Mặt trời. (1đ)  Yêu cầu: chính xác, thẩm mỹ. Mặt trời chỉ lên thiên đỉnh ở trong khu vực nội chí tuyến mà không có hiện tượng mặt trời lên thiên đỉnh là khu vực ngoài chí tuyến vì trục trái đất nghiêng với mặt phẳng quỹ đạo một góc 66° 33' để tạo góc 90⁰ thì góc phụ phải 23° 27' Các địa điểm ở ngoài chí tuyến đều có vĩ độ lớn hơn 23° 27' nên không có hiện tượng mặt trời lên thiên đỉnh. 2. Tính giờ: (1đ) <table><tr><th rowspan="2">Chuyến bay</th><th colspan="2">Nơi đi</th><th colspan="2">Nơi đến</th><th rowspan="2">Hành trình</th></tr><tr><th>Địa điểm</th><th>Ngày, giờ</th><th>Địa điểm</th><th>Ngày, giờ</th></tr><tr><td>CX26 1</td><td>Hồng Kông (8)</td><td>23:45' 28/02/2022</td><td>New York (19)</td><td>12h30 1/3/2022</td><td>15giờ 45phút</td></tr><tr><td>CX26 2</td><td>New York (19)</td><td>3h35 (28/2/2022)</td><td>Hồng Kông (8)</td><td>7:30' 01/03/2022</td><td>14giờ 55 phút</td></tr></table> Múi giờ: Hồng Kông:8, New York: 19 (-5) Yêu cầu Hs trình bày rõ cách tính mới đạt điểm tối đa, nếu chỉ có kết quả chỉ được ½ tổng số điểm. 3. Nguyên nhân thay đổi khí áp: (1đ) Khí áp thay đổi theo độ cao: càng lên cao không khí càng loãng sức nén càng nhỏ do đó khí áp giảm	Chuyến bay	Nơi đi		Nơi đến		Hành trình	Địa điểm	Ngày, giờ	Địa điểm	Ngày, giờ	CX26 1	Hồng Kông (8)	23:45' 28/02/2022	New York (19)	12h30 1/3/2022	15giờ 45phút	CX26 2	New York (19)	3h35 (28/2/2022)	Hồng Kông (8)	7:30' 01/03/2022	14giờ 55 phút	0.5
Chuyến bay	Nơi đi		Nơi đến		Hành trình																			
	Địa điểm	Ngày, giờ	Địa điểm	Ngày, giờ																				
CX26 1	Hồng Kông (8)	23:45' 28/02/2022	New York (19)	12h30 1/3/2022	15giờ 45phút																			
CX26 2	New York (19)	3h35 (28/2/2022)	Hồng Kông (8)	7:30' 01/03/2022	14giờ 55 phút																			

	Khí áp thay đổi theo nhiệt độ: nhiệt độ tăng không khí nở ra tỉ trọng giảm đi khí ẩm giảm nhiệt độ giảm không khí co lại tỉ trọng tăng nên khí áp tăng Khí áp thay đổi theo độ ẩm: không khí chứa hơi nước nhẹ hơn không khí khô vì thế không khí chứa nhiều hơi nước khí áp cũng giảm khi nhiệt độ cao hơn hơi nước thì khi nhiệt độ cao thì hơi nước bốc lên chiếm dần chỗ của không khí khô làm cho khí áp giảm, điều này xảy ra ở vùng áp thấp xích đạo. *Tại sao khí áp thường phân bố không liên tục trên trái đất? Các đai áp phân bố xen kẽ và đối xứng qua đai áp thấp xích đạo. tuy nhiên, trong thực tế các đai khí áp phân bố không liên tục mà bị chia cắt thành từng khu áp riêng biệt. nguyên nhân chủ yếu là do sự phân bố xen kẽ giữa lục địa và đại dương.	0,25 0,25 0,25
Câu 2	1. Suy giảm đa dạng sinh học đang là vấn đề được sự quan tâm của toàn thế giới. Hãy cho biết nguyên nhân, hậu quả của vấn đề này.(1đ) - Suy giảm đa dạng sinh học là sự suy giảm chất lượng và số lượng của các loài sinh vật. Nguyên nhân: - Mức độ khai thác tự nhiên tăng lên. - Sử dụng quá nhiều chất hóa học, nhiều chất biến đổi gen. Hậu quả: ảnh hưởng đến an ninh lương thực, suy giảm nguồn gen. Lưu ý: HS cần diễn giải rõ thêm, lấy dẫn chứng . nếu không có dẫn chứng số điểm chỉ đạt ½ tổng điểm quy định. 2. Tại sao trung tâm công nghiệp Nhật Bản phân bố chủ yếu ven Thái Bình Dương? (1đ) - Vùng ven biển Thái Bình Dương có bờ biển dài khúc khuỷu nhiều vũng vịnh thuận lợi cho xây dựng cảng biển, có địa hình đồng bằng thuận lợi phân bố TTCN ,ít chịu thiên tai hơn các vùng khác. - Tập trung nhiều nguồn lực như: đông dân, nguồn lao động dồi dào ,cơ sở hạ tầng ,cơ sở vật chất phát triển tạo tiền đề để hình thành các TTCN - Gần biển thuận lợi cho việc nhập nguyên nhiên vật liệu cũng như xuất khẩu hàng công nghiệp ra thị trường thế giới nhằm giảm chi phí vận chuyển ,sản xuất, hạ giá thành SP	0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25

- Vùng biển này thông ra vùng biển quốc tế nên dễ dàng giao lưu, trao đổi với các nước trên thế giới, nhất là gần với khu vực Đông Á, Đông Nam Á, Bắc Mỹ...

3. Đánh giá đặc điểm tự nhiên của miền đông và miền tây đến phát triển nông nghiệp của Trung Quốc. (1đ)

	Miền đông	Miền tây	0,25
Đặc điểm tự nhiên	Có các đồng bằng châu thổ rộng lớn, đất phù sa màu mỡ, khí hậu chuyển từ cận nhiệt sang ôn đới gió mùa, có nhiều sông lớn với nguồn nước dồi dào	Nhiều núi cao, sơn nguyên đồ sộ xen lẫn các bồn địa. khí hậu ôn đới lục địa.	0,25
Thuận lợi	Thuận lợi cho việc hình thành và phát triển các vùng chuyên canh nông nghiệp chuyên sản xuất lương thực thực phẩm phát triển.	Tập trung nhiều rừng và đồng cỏ thuận lợi cho việc phát triển chăn nuôi gia súc lớn	0,25
Khó khăn	Địa hình đồng bằng v-à hạ lưu của các con sông nên thường gây lũ lụt về mùa hạ ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp	Địa hình hiểm trở trong sông ngòi ít nước ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp	0,25
Giải pháp	Xây dựng hệ thống thoát nước	Xây dựng hệ thống thủy lợi, áp dụng kĩ thuật hiện đại (tưới nhỏ giọt)	0,25

Câu 3

1. Ý nghĩa của vị trí địa lí nước ta đến kinh tế - xã hội : (1đ)

- Việt Nam nằm ở ngã tư đường hàng hải và hàng không quốc tế quan trọng tạo điều kiện thuận lợi cho nước ta giao lưu với các nước trong khu vực và trên thế giới.
- Nước ta gần trung tâm Đông Nam Á, khu vực có nền kinh tế năng động tạo điều kiện thực hiện chính sách mở cửa hội nhập với các nước trên thế giới thu hút vốn đầu tư nước ngoài
- Nước ta còn là cửa ngõ mở lối ra biển thuận lợi cho các nước Lào Đông Bắc Thái Lan Campuchia và khu vực Tây Nam Trung Quốc động có ý nghĩa rất quan trọng trong việc phát triển các ngành kinh tế các vùng lãnh thổ.
- Đất nước kéo dài theo hướng Bắc Nam làm cho giao thông xuyên Việt tồn kém khó khăn trong điều hành quản lý kinh tế xã hội và phải cạnh tranh khốc liệt với các nước trong khu vực.

	- Địa hình đồi núi ở phía tây Tây Bắc có diện tích rộng làm sông ngòi ở Tây Bắc dài và có diện tích lưu vực lớn hơn. Địa hình đồi núi phía tây vùng Bắc Trung Bộ có lãnh thổ hẹp ngang làm sông nhỏ và ngắn dốc . - Địa hình chi phối đến chế độ nước sông: ở Tây Bắc mùa lũ từ tháng 5 đến tháng 10 do địa hình đón gió Tây Nam; ở Bắc Trung Bộ mùa lũ từ tháng 8 đến tháng 12 do địa hình phía đông dãy Trường Sơn gây hiệu ứng phơn đầu mùa hạ và đón gió Đông Bắc gây mưa vào mùa đông. - Địa hình có độ dốc lớn nhưng do sông ngăn kết hợp cấu trúc đất đá cùng tầng phong hóa mỏng nên lượng phù sa vật liệu bồi tụ không nhiều.	0,25 0,25 0,25																		
Câu 4	1. Nhận xét và giải thích về tốc độ tăng trưởng GDP của Nhật Bản từ 1950 -2021.(1,5đ) <table border="1"> <thead> <tr> <th>Giai đoạn</th><th>Đặc điểm</th><th>Nguyên nhân</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1955-1973</td><td>Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao: 10% (phát triển thần kì)</td><td>Chính sách kinh tế đúng đắn: Chú trọng đầu tư hiện đại hóa công nghiệp, tăng vốn, áp dụng kĩ thuật mới. Tập trung phát triển các ngành then chốt. Duy trì cơ cấu kinh tế hai tầng.</td></tr> <tr> <td>1973-1986</td><td>Tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm: 2,6%</td><td>Khủng hoảng dầu mỏ</td></tr> <tr> <td>2001</td><td>Tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm mạnh: 0,4%</td><td>Khủng hoảng tài chính toàn cầu</td></tr> <tr> <td>2018</td><td>Tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm mạnh: -2,4%</td><td>Chính sách tăng thuế của thế giới</td></tr> <tr> <td>2021</td><td>Tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng trở lại: 1,7%</td><td>Có nhiều chính sách đầu tư khoa học công nghệ giúp nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, khả năng cạnh tranh cao.</td></tr> </tbody> </table>	Giai đoạn	Đặc điểm	Nguyên nhân	1955-1973	Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao: 10% (phát triển thần kì)	Chính sách kinh tế đúng đắn: Chú trọng đầu tư hiện đại hóa công nghiệp, tăng vốn, áp dụng kĩ thuật mới. Tập trung phát triển các ngành then chốt. Duy trì cơ cấu kinh tế hai tầng.	1973-1986	Tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm: 2,6%	Khủng hoảng dầu mỏ	2001	Tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm mạnh: 0,4%	Khủng hoảng tài chính toàn cầu	2018	Tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm mạnh: -2,4%	Chính sách tăng thuế của thế giới	2021	Tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng trở lại: 1,7%	Có nhiều chính sách đầu tư khoa học công nghệ giúp nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, khả năng cạnh tranh cao.	0.5 0,25 0,25 0,25 0,25
Giai đoạn	Đặc điểm	Nguyên nhân																		
1955-1973	Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao: 10% (phát triển thần kì)	Chính sách kinh tế đúng đắn: Chú trọng đầu tư hiện đại hóa công nghiệp, tăng vốn, áp dụng kĩ thuật mới. Tập trung phát triển các ngành then chốt. Duy trì cơ cấu kinh tế hai tầng.																		
1973-1986	Tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm: 2,6%	Khủng hoảng dầu mỏ																		
2001	Tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm mạnh: 0,4%	Khủng hoảng tài chính toàn cầu																		
2018	Tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm mạnh: -2,4%	Chính sách tăng thuế của thế giới																		
2021	Tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng trở lại: 1,7%	Có nhiều chính sách đầu tư khoa học công nghệ giúp nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, khả năng cạnh tranh cao.																		

	2. Cho bảng số liệu: Diện tích và dân số của một số nước trên thế giới năm 2021. Tính mật độ dân số của một số nước trên thế giới.(1,5đ) <table><tr><td>Quốc gia</td><td>Việt Nam</td><td>Trung Quốc</td><td>Ấn độ</td><td>Hoa kỳ</td></tr><tr><td>Dân số (người)</td><td>97.338.579</td><td>1.439.323.776</td><td>1.383.004.385</td><td>333.864.279</td></tr><tr><td>Diện tích (km2)</td><td>331.212</td><td>9.596.961</td><td>3.287.263</td><td>9.826.675</td></tr><tr><td>Mật độ dân số (người/km2)</td><td>293,9</td><td>150</td><td>420,6</td><td>34</td></tr></table> So sánh mật độ dân số của một số nước trên. - Ấn độ có mật độ dân số cao nhất (có số dân đông), tiếp đến Việt Nam (do có dân số ít nhưng diện tích nhỏ). - Trung Quốc tuy có dân số đông nhất nhưng có diện tích lớn nên mật độ dân số thấp, Hoa kỳ có mật độ dân số thấp nhất (do có diện tích lớn)	Quốc gia	Việt Nam	Trung Quốc	Ấn độ	Hoa kỳ	Dân số (người)	97.338.579	1.439.323.776	1.383.004.385	333.864.279	Diện tích (km2)	331.212	9.596.961	3.287.263	9.826.675	Mật độ dân số (người/km2)	293,9	150	420,6	34	1,0 0,25 0,25
Quốc gia	Việt Nam	Trung Quốc	Ấn độ	Hoa kỳ																		
Dân số (người)	97.338.579	1.439.323.776	1.383.004.385	333.864.279																		
Diện tích (km2)	331.212	9.596.961	3.287.263	9.826.675																		
Mật độ dân số (người/km2)	293,9	150	420,6	34																		
Câu 5:	Dựa vào Atlat địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy: 1. Nêu đặc điểm địa hình vùng núi Đông Bắc. Hướng địa hình núi Đông Bắc có ảnh hưởng như thế nào đến khí hậu của vùng? (1,5đ) * Đặc điểm địa hình vùng núi Đông Bắc : - Nằm ở tả ngạn sông Hồng, có bốn cánh cung núi lớn chĩa chòm lại ở Tam Đảo mở ra phía bắc và phía đông: Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều. - Địa hình núi thấp chiếm phần lớn diện tích địa hình thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam. - Nhiều đỉnh núi cao trên 2.000 m nằm trên vùng thượng nguồn sông chảy giáp biên giới Việt - Trung là các khối núi có đá vôi đồ sộ ở Hà Giang, Cao Bằng, còn ở trung tâm là vùng đồi núi thấp có độ cao trung bình 500 đến 600 m. - Theo hướng các dãy núi là hướng vòng cung của các thung lũng sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam. * Ảnh hưởng của địa hình vùng núi tây bắc đến khí hậu của vùng: - Mùa đông gió mùa Đông Bắc tràn về các cánh cung núi sẽ hút gió làm cho gió mùa đông đến sớm và kết thúc muộn.	0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25																				

	+ Nước sông điều hòa, không phức tạp, 10 lên chậm, rút chậm. – Nguyên nhân: + Sông dài, diện tích lưu vực lớn, độ dốc lòng sông nhỏ, hình dạng của sông (hình lông chim). Mạng lưới kênh rạch chằng chịt, sự điều tiết nước của Biển Hồ ở Cam-pu-chia.	0,25
Câu 6	1. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi quy mô và tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số nước ta gđ 1990 - 2021. (2đ) - Biểu đồ kết hợp cột, đường (biểu đồ khác không cho điểm) - Yêu cầu: chính xác, thẩm mỹ, đầy đủ các yếu tố: đơn vị, số liệu, chú giải. Nếu thiếu -0,25đ/yếu tố. 2. Rút ra nhận xét và giải thích tình hình phát triển của dân số nước ta gđ trên. (1,0) - Tỉ lệ gia tăng dân số có giảm nhưng chậm (số liệu) - Quy mô dân số tăng nhanh (số liệu) - Do quy mô dân số lớn (dẫn chứng) - Thuộc dân số trẻ nên số người trong độ tuổi sinh đẻ cao.	2,0 0,25 0,25 0,25 0,25